



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 172 + 173

Ngày 01 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 11-10-2022- Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. 3
- 11-10-2022- Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023. 8

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 31-8-2022- Chỉ thị số 10/CT-UBND về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công. 12
- 14-9-2022- Chỉ thị số 11/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023 của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. 29
- 16-9-2022- Chỉ thị số 12/CT-UBND về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 40
- 19-10-2022- Chỉ thị số 13/CT-UBND về tăng cường thực hiện, giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. 45
- 15-11-2022- Quyết định số 3856/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. 54

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BÀY

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 3381/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 779/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1. Mức học phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chia thành 2 nhóm đối tượng như sau:

a) Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở Thành phố Thủ Đức và các Quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

b) Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các Huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giuộc.

2. Mức học phí của năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

| Cấp học | Mức học phí (Nghìn đồng/học sinh/tháng) | |
|---------------------|---|--------|
| | Nhóm 1 | Nhóm 2 |
| Nhà trẻ | 300 | 120 |
| Mẫu giáo | 300 | 100 |
| Tiểu học | 300 | 100 |
| Trung học cơ sở | 300 | 100 |
| Trung học phổ thông | 300 | 200 |

Mức học phí đối với Cấp tiểu học quy định tại điểm này không phải là mức thu thực tế cho phép thu, chỉ làm căn cứ thực hiện chính sách: hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

3. Mức học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026: áp dụng mức học phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Trường hợp điều chỉnh mức thu học phí thì Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không quá 7,5%/năm và không vượt mức trần quy định theo khung học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Từ năm học 2026 - 2027 trở đi, căn cứ chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không quá 7,5%/năm và không vượt mức trần quy định theo khung học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Khung học phí năm học 2022 - 2023 và từ năm học 2023 - 2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

a) Khung học phí năm học 2022 - 2023

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: không quá 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: không quá 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

| Cấp học | Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên | | Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | |
|----------|---|-------------|---|-------------|
| | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 1 | Nhóm 2 |
| Nhà trẻ | 300 đến 1.080 | 100 đến 440 | 300 đến 1.350 | 100 đến 550 |
| Mẫu giáo | 300 đến 1.080 | 100 đến 440 | 300 đến 1.350 | 100 đến 550 |
| Tiểu học | Không thu | | Không thu | |
| THCS | 300 đến 1.300 | 100 đến 540 | 300 đến 1.625 | 100 đến 675 |
| THPT | 300 đến 1.300 | 200 đến 660 | 300 đến 1.625 | 200 đến 825 |

b) Từ năm học 2023 - 2024: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

5. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức thu học phí cụ thể cho từng cấp học đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Từ năm học 2022 - 2023.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 10 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BÀY

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Xét dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 3602/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn

Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 – 2023; Báo cáo thẩm tra số 782/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trẻ mầm non, học sinh phổ thông ngoài công lập đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023 như sau:

1. Mức hỗ trợ là phần chênh lệch mức học phí do điều chỉnh mức học phí theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh so với mức học phí đang áp dụng theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

| Cấp học | Mức hỗ trợ học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng) | |
|---|--|--------|
| | Nhóm 1 | Nhóm 2 |
| Nhà trẻ | 100 | - |
| Mẫu giáo | 140 | - |
| Tiểu học | Không thu | |
| Trung học cơ sở | 240 | 70 |
| Giáo dục thường xuyên Trung học cơ sở | 240 | 70 |
| Trung học phổ thông | 180 | 100 |
| Giáo dục thường xuyên Trung học phổ thông | 180 | 100 |

+ **Nhóm 1:** Học sinh học tại các trường ở Thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

+ **Nhóm 2:** Học sinh học tại các trường ở các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Thời gian áp dụng: Áp dụng 9 tháng năm học 2022 - 2023.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 10 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2022

CHỈ THỊ

**Về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu
trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công**

Từ khi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có hiệu lực thi hành đến nay, hệ thống các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành khá đồng bộ và đầy đủ; công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã dần đi vào nề nếp; tình trạng thất thoát, lãng phí tài sản từng bước được khắc phục; ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được nâng lên; hiệu quả trong sử dụng, khai thác tài sản được chú trọng, góp phần quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, công tác quản lý, sử dụng tài sản công còn một số bất cập, phân tán và chưa thực sự hiệu quả so với tiềm năng; việc chấp hành các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng trụ sở làm việc, xe ô tô công có lúc, có nơi chưa nghiêm; phương thức trang bị tài sản chủ yếu vẫn là mua sắm, đầu tư từ ngân sách nhà nước; việc khai thác, huy động nguồn lực từ tài sản công hiệu quả chưa cao; nhiều trường hợp còn thất thoát, lãng phí, nhất là đối với đất đai, trụ sở làm việc, ...

Để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; khắc phục triệt để những hạn chế và những bất cập nêu trên; góp phần phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trên cơ sở nội dung đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 14504/BTC-

QLCS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý tài sản công; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động (gọi tắt là tổ chức) và các doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là doanh nghiệp) khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Về việc triển khai, tổ chức thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật:

1.1. Giao Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; Người đứng đầu các tổ chức và doanh nghiệp:

a) Tiếp tục đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật do Thành phố ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc và quản lý theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý khẩn trương xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công được giao theo đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch; thực hiện nghiêm túc việc đăng tải thông tin đấu thầu, đấu giá, niêm yết giá khi thực hiện mua sắm, thuê, sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh liên kết, bán, chuyển nhượng tài sản công, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng ... theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm túc việc thu, nộp tiền bán, chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê tài sản, ... đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật.

Tăng cường việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, có biện pháp chấn chỉnh, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, ... trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và quản lý theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao.

h) Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý, sử dụng hóa đơn bán tài sản công khi xử lý tài sản công; nghiêm cấm việc mua, bán, cho, lập khống hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn sai mục đích. Hàng năm, thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng hóa đơn với cơ quan tài chính nơi bán hóa đơn theo Mẫu số 10/TSC-HĐ ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Khi có nhu cầu sử dụng hóa đơn, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý các tài sản công đăng ký mua hóa đơn tại Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp quận huyện, nơi đơn vị đóng trụ sở theo quy định; thủ tục mua hóa đơn bán tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm của Chính phủ.

g) Kịp thời cập nhật, chỉnh lý thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để phục vụ xây dựng Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, Báo cáo tài chính nhà nước hàng năm theo đúng nội dung và thời hạn quy định của pháp luật; từng bước sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để thay thế thông tin dạng giấy.

1.2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và quận huyện và Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản công chấp hành nghiêm quy định về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, xác định giá khởi điểm tài sản đấu giá, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người có tài sản đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản, đặc biệt là giám sát quá trình tổ chức thực hiện đấu giá để khắc phục tình trạng thông đồng, đim giá và các hành vi vi phạm khác trong đấu giá tài sản.

2. Về việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật:

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công để kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

3. Về quy định phân cấp quản lý tài sản công:

3.1. Phân cấp quản lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ:

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố; Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018).

Giao Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tài sản công theo Quyết định phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

3.2. Về thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ:

Giao Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện căn cứ các Quyết định¹ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban

¹ 1) Quyết định số 5306/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 về ủy quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu.

2) Quyết định số 5307/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 về ủy quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người thừa kế.

3) Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về ủy quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4) Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 5306/QĐ-UBND và Quyết định số 5307/QĐ-UBND cùng ngày 27/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

hành để thực hiện các nội dung liên quan đến nhiệm vụ đã được giao theo đúng quy định.

3.3. Về việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ:

Giao Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; các Tổ chức căn cứ các Quyết định² đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để thực hiện việc mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng khi có nhu cầu theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Đối với các lĩnh vực, ngành khác: giao Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành Thành phố tiếp tục căn cứ chức năng, chuyên môn khẩn trương rà soát nhu cầu của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, thành phố Thủ Đức, quận huyện có liên quan đến lĩnh vực, ngành phụ trách. Trên cơ sở đó, lập danh mục tổng hợp, có văn bản báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo lĩnh vực, ngành thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và chịu trách nhiệm về đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo các danh mục đã đề nghị, đảm bảo đủ về chủng loại, số lượng, đạt hiệu quả và tiết kiệm; đồng thời, dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo lĩnh vực, ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Về việc xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ:

a) Đối với diện tích chuyên dùng quy định tại Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

² 1) Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;
2) Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Thông tin truyền thông;
3) Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;
4) Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực văn hóa – thể thao;
5) Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực thư viện;
6) Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 22/8/2020 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục đào tạo;
7) Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Lưu trữ.

Căn cứ quy định tại Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ, quy định Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN và các quy định pháp luật khác có liên quan: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện để rà soát, xác định nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng (*gồm: diện tích phòng tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính; diện tích phòng tiếp dân; diện tích phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin; diện tích Hội trường lớn trên 100 chỗ ngồi; diện tích kho chuyên ngành và diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và có báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để làm cơ sở trước khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Đối với diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Giao Sở Tài chính tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý cho Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành.

3.5. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ:

Giao Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; các Tổ chức căn cứ các Quyết định³ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để thực hiện việc mua sắm, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Nghiêm túc thực hiện việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu cấp thiết phát sinh việc sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ

³ 1) Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quận huyện;

2) Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế đối với Trung tâm cấp cứu 115 thuộc Sở Y tế;

3) Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 về bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

chức, đơn vị: Giao Sở Tài chính tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi hoặc bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Riêng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế: Giao Sở Y tế căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020, khẩn trương xây dựng và đề xuất tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế (bao gồm đối tượng, chủng loại, số lượng, mức giá) cho các cơ quan, đơn vị y tế công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và chịu trách nhiệm về đối tượng, chủng loại, số lượng, mức giá theo các danh mục đã đề nghị; trình Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế cho các cơ quan, đơn vị y tế công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về việc tăng cường quản lý việc mua sắm tài sản, hàng hóa từ ngân sách nhà nước theo phương thức tập trung

Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Công văn số 446/UBND-KT ngày 15 tháng 02 năm 2022 triển khai đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị để thực hiện trên cơ sở nội dung đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 12661/BTC-QLCS ngày 05/11/2021 về việc tăng cường quản lý việc mua sắm tài sản, hàng hóa từ ngân sách nhà nước theo phương thức tập trung; theo đó, giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố tiếp tục thực hiện các nội dung trọng tâm sau:

4.1. Tạm thời chưa thực hiện mua sắm tập trung cấp quốc gia theo đúng Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (trừ thuốc; sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế,... phục vụ phòng chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ).

4.2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc việc mua sắm tập trung.

4.3. Giao Sở Tài chính định kỳ rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mới, sửa đổi, bổ sung danh mục tài sản công áp dụng mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố, bảo đảm căn cứ pháp lý theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. Tài sản được đưa vào danh mục mua sắm tập trung đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật, tình hình thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, tránh việc ban hành danh mục mua sắm tập trung nhưng không thực hiện mua sắm tập trung làm ảnh hưởng tới việc trang bị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và vi phạm quy định về mua sắm tài sản công.

4.4. Giao Sở Tư pháp:

a) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu, ký kết Thỏa thuận khung và nhiệm vụ được giao trong công mua sắm tập trung tài sản công theo quy định pháp luật về đấu thầu, đảm bảo khách quan, minh bạch, chất lượng.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện các nhiệm vụ về mua sắm tập trung theo quy định pháp luật; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

4.5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nhóm tài sản là máy vi tính thuộc danh mục mua sắm tập trung của Thành phố, trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hàng năm.

4.6. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức có liên quan giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình mua sắm tập trung của Thành phố; thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi phát sinh vụ việc hoặc có kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tập trung của Thành phố.

4.7. Giao Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (đơn vị mua sắm tập trung):

a) Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng danh mục thông số kỹ thuật của nhóm tài sản mua sắm tập trung; tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung; lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản theo quy định pháp luật; theo dõi, giám sát việc thực hiện Thỏa thuận khung, ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản, bàn giao tiếp nhận tài sản,

bảo hành, bảo trì tài sản; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; kịp thời báo cáo các cơ quan liên quan, xử lý các vấn đề phát sinh.

b) Thực hiện nghiêm việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ và giá mua tối ưu.

4.8. Giao Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến công tác mua sắm tập trung phối hợp với các cơ quan nêu trên thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện mua sắm tập trung; yêu cầu các đơn vị trực thuộc đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung gửi đơn vị mua sắm tập trung đúng thời hạn để tổng hợp và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ đáp ứng kịp thời yêu cầu về tài sản phục vụ thực hiện nhiệm vụ.

5. Về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

Giao Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa), tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung, hiệu quả các quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017, Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và các văn bản quy định pháp luật khác có liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa), tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Trong đó, lưu ý trọng tâm các nội dung sau:

a) Sở Giao thông Vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

c) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan khẩn trương rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản hiện có và thực hiện việc giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định.

d) Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công:

- Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện rà soát, kê khai, báo cáo, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ vào chương trình phần mềm “Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ”, bảo đảm thông tin cập nhật về tài sản được đầy đủ, kịp thời và chính xác. Trên cơ sở báo cáo kê khai của đơn vị trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Sở Giao thông Vận tải kiểm duyệt tính đầy đủ, chính xác của báo cáo và thực hiện xác nhận và gửi về Sở Tài chính để duyệt dữ liệu vào chương trình theo đúng quy định.

- Đối với tài sản công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên thực hiện rà soát, kê khai, báo cáo, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung vào chương trình phần mềm “Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung”, bảo đảm thông tin về tài sản được đầy đủ, kịp thời và chính xác. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm duyệt tính đầy đủ, chính xác của báo cáo và thực hiện xác nhận và gửi về Sở Tài chính để duyệt dữ liệu vào chương trình theo đúng quy định.

đ) Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01), Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019, Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ; gửi Ủy ban nhân dân Thành phố theo đúng quy định và đồng gửi Sở Tài chính.

e) Trước ngày 30/6 của năm tài chính tiếp theo, Sở Giao thông Vận tải và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có báo cáo

cung cấp thông tin tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý gửi Kho bạc nhà nước thành phố để lập báo cáo tài chính theo đúng quy định và đồng gửi Sở Tài chính.

6. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung, có kết quả các quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

7. Giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố phối hợp với Tập đoàn điện lực Việt Nam tổ chức rà soát, lập danh mục các công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước đủ điều kiện để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chuyển; thực hiện thủ tục điều chuyển công trình điện bảo đảm thời gian và hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6844/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ (được Bộ Tài chính hướng dẫn tại Công văn số 12081/BTC-QLCS ngày 22 tháng 10 năm 2021).

8. Về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

Để việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, tránh thất thoát tài sản nhà nước;

8.1. Giao Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; các tổ chức nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan về việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Trong đó, chú trọng thực hiện nghiêm quy định về lập, thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết; xác định giá trị tài sản để đưa vào liên doanh liên kết; xác định giá cho thuê tài sản công; kiểm soát chặt chẽ việc xác định giá trị tài sản, vốn góp của đối tác tham gia liên doanh, liên kết, tránh tình trạng “thối giá” làm ảnh hưởng tới quyền lợi của Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện nghiêm quy định về lựa chọn đối tác tham gia liên

doanh liên kết, quy định về tổ chức đấu giá khi cho thuê tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

8.2. Sau khi Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát trong việc tổ chức thực hiện Đề án, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

9. Về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công:

9.1. Đối với tài sản công là xe ô tô, máy móc thiết bị:

Giao Sở Tài chính tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thực hiện việc sắp xếp lại để bố trí sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, định mức quy định; xử lý tài sản dôi dư theo đúng quy định của pháp luật.

9.2. Đối với tài sản công là nhà, đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ:

Giao Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

9.2.1. Ban chỉ đạo 167:

a) Đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc danh mục cổ phần hóa) lập báo cáo kê khai, đề xuất phương án xử lý đối với nhà đất phải sắp xếp lại của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Tham mưu phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018, Thông tư số 125/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính; trong đó, ưu tiên sắp xếp lại, xử lý theo hình thức đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà đất dôi dư, trình xử lý thu hồi đối với nhà đất sử dụng không đúng quy định (cho thuê, cho mượn, để trống, sử dụng sai mục đích,...) thuộc trường hợp thu hồi theo quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

9.2.2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà đất công:

a) Nghiên cứu và triển khai thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Chính phủ tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018, số 125/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Rà soát việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc phạm vi quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chức năng đại diện chủ sở hữu tài sản công và chức năng quản lý nhà nước theo lĩnh vực, địa bàn; đặc biệt là tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, doanh nghiệp, quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, xây dựng, nhà ở, ... sau khi phương án chuyển mục đích sử dụng đất, bán, chuyển nhượng, thu hồi nhà đất, chuyển giao nhà đất về địa phương quản lý, phương án xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Lập báo cáo kê khai, tổng hợp, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với từng cơ sở nhà đất đang quản lý, sử dụng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp không thực hiện kê khai báo cáo, không thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Riêng đối với các Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm rà soát toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng để xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa bao gồm toàn bộ diện tích đất của doanh nghiệp cổ phần hóa và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp cổ phần hóa đầu tư 100% vốn điều lệ đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm cả phần diện tích đất không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và diện tích đất không thuộc phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ - nếu có), đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương, chiến lược phát

triển của doanh nghiệp và các hồ sơ pháp lý có liên quan gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công, quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thẩm định giá và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công khi xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán khi thực hiện phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

đ) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm thực hiện theo đúng phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được phê duyệt, đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, đúng quy định; tuyệt đối không để xảy ra trường hợp nhà, đất công sử dụng sai quy định (bỏ trống, cho thuê, cho mượn, liên doanh liên kết,...). Việc quản lý, sử dụng nhà đất sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý được thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Trường hợp cần thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được phê duyệt; cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, chủ sở hữu (nếu có) để lập, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

e) Thường xuyên kiểm tra việc quản lý, sử dụng nhà đất công thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo việc quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, tuân thủ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của nội dung báo cáo về việc quản lý, sử dụng nhà đất đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Trường hợp qua kiểm tra, rà soát phát hiện việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt chưa đúng quy định thì kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tránh thất thoát tiền, tài sản của Nhà nước.

9.2.3. Các cơ quan chuyên môn:

a) Giao các Sở ban ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thực

hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà đất công đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan.

b) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp Sở Quy hoạch Kiến trúc, Thường trực Ban chỉ đạo 167-Sở Tài chính, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền Danh mục nhà đất phải di dời do ô nhiễm môi trường và di dời theo quy hoạch quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, làm cơ sở để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp đã cổ phần hóa nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất) theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các pháp luật khác có liên quan.

c) Giao Sở Xây dựng

- Tham mưu Quy chế về quản lý và khai thác quỹ nhà đất thuộc sở hữu nhà nước được giao, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng.

- Phối hợp với các sở ngành chức năng liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về giá cho thuê nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích làm việc, sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo sát với giá thị trường và theo quy định hiện hành.

9.2.4. Đối với nhà, đất không thuộc phạm vi phải sắp xếp lại, xử lý theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý, sử dụng: Giao các Sở, ngành chức năng có liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp,...), Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện căn cứ từng trường hợp cụ thể tham mưu xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp

luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng, pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông, công thương, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan.

9.2.5. Đối với nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước được Ủy ban nhân dân Thành phố giao tạm quản lý, giữ hộ: Giao Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có chức năng cho thuê nhà đất (Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích các quận huyện; Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố; Công ty Kho bãi thành phố) được giao tạm quản lý, giữ hộ nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước có trách nhiệm quản lý, vận hành đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng quy định và thực hiện theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, chịu trách nhiệm kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản của các tổ chức, cá nhân đang thuê đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng và kịp thời xử lý mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, khai thác nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.2.6. Các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc danh mục cổ phần hóa phải thực hiện nghiêm quy định về lập (đề xuất), phê duyệt phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và pháp luật về đất đai; trong quá trình thực hiện phải so sánh, đối chiếu với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với hiện trạng quản lý, sử dụng và quy định của pháp luật tại thời điểm cổ phần hóa.

10. Giao Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng cho cán bộ làm công tác quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

11. Giao Thanh tra các ngành, các cấp trong quá trình thanh tra trách nhiệm thủ trưởng đối với các cơ quan, đơn vị cần lưu ý nội dung thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; việc tuân thủ quy định của pháp luật trong việc mua sắm tập trung; việc thực hiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; triển khai quyết liệt Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021) của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ngăn chặn kịp thời, xử lý

nghiêm minh theo quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công.

12. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện; Người đứng đầu các tổ chức và doanh nghiệp phối hợp Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Các cơ quan thông tấn, báo chí phát huy vai trò công tác thông tin truyền thông, cổ vũ, động viên kịp thời những gương điển hình tốt trong bảo vệ, quản lý sử dụng tài sản công; tích cực tham gia phát hiện và góp ý, phê phán những hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp kịp thời có văn bản báo cáo Sở Tài chính phối hợp các đơn vị chức năng tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo thực hiện theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

CHỈ THỊ

Về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023 của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023;

Căn cứ các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chủ đề năm 2022 của Thành phố “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp”;

Căn cứ tình hình thực tiễn; nhằm huy động sức mạnh tổng hợp và nguồn lực toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội các cấp tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu trong năm học 2022 - 2023 như sau:

I. Các nhiệm vụ và giải pháp

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò và tiếng nói của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường. Triển khai theo lộ trình và phù hợp với thực tiễn các Chương trình, Đề án đột phá của Thành phố về Giáo dục: (1) Đề án đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ở 08 ngành giai đoạn 2020 - 2035 và Đại học chia sẻ; (2) Đề án Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 - 2030; (3) Đề án

“Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế giai đoạn 2020 - 2030”.

Tham mưu xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 chủ động, linh hoạt; vừa phù hợp với tình hình dịch bệnh, vừa kiên trì thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục.

Triển khai có hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích; kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường. Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025”.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non (GDMN); tiếp tục triển khai kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”¹; đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Triển khai các kế hoạch, đề án, chính sách phát triển GDMN. Phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; quan tâm đến hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn và vùng có khu công nghiệp; đẩy mạnh công tác truyền thông phổ biến kiến thức về chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng. củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, khuyến khích các địa phương có điều kiện thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo. Từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng nhóm, lớp độc lập tư thục.

4. Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10; tham mưu lựa chọn sách giáo khoa đối với lớp 4, lớp 8, lớp 11; thẩm định tài liệu giáo

¹ Kế hoạch số 626/KH-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025.

dục địa phương; tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện tốt nhất Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bao gồm chuẩn bị đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả tổ chức kỳ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 của Thành phố. Tiếp tục tổ chức tốt, nghiêm túc, an toàn, hiệu quả các kỳ khảo sát, thi tuyển sinh đầu cấp, chuẩn bị phương án tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2022 - 2023 bảo đảm an toàn, chất lượng, phù hợp tình hình của Thành phố.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các ngành học, bậc học. Tiếp tục mở rộng mô hình trường học chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”. Đẩy mạnh tiến độ, đảm bảo chất lượng công tác kiểm định chất lượng giáo dục và hoạt động tự đánh giá tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được công nhận hoạt động ở Việt Nam.

5. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chi thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông chất lượng, hiệu quả, bắt đầu lớp 10 năm học 2022 - 2023.

Tiếp tục đổi mới và thực hiện các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học viên. Xây dựng kế hoạch về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo hướng mở; đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động.

Củng cố, phát triển mạng lưới các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên. Đa dạng hóa nội dung chương trình, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân được học tập liên tục, suốt đời; nâng cao chất lượng các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động.

6. Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục đào tạo; tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học trực tuyến, trên truyền hình và kiểm tra, đánh giá.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”² và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025”³.

Đẩy mạnh triển khai chính quyền điện tử trong ngành GDĐT⁴. Triển khai mạnh mẽ văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành của ngành GDĐT. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành GDĐT dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành GDĐT.

Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo

² Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của ngành GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

³ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

⁴ Phần mềm ISO điện tử và dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực GDĐT nhằm xây dựng hệ thống một cửa điện tử và chuẩn hóa 52 thủ tục hành chính công lĩnh vực giáo dục theo định hướng chuyển đổi số.

dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; kho học liệu được xây dựng theo một bộ tiêu chí cụ thể, đảm bảo chất lượng và đạt chuẩn. Nền tảng kết nối chia sẻ được thiết kế và phát triển trên những chuẩn kết nối quốc tế, đảm bảo khả năng tích hợp liên nền tảng, nâng cao khả năng chịu tải, năng lực đáp ứng truy cập của hệ thống.

Phát triển, ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu Thành phố, cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành GDĐT.

7. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”; Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”; Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới GDĐT, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong GDĐT. Trong đó chú trọng việc thanh tra trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường; kiểm tra các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục.

9. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Triển khai kế hoạch đầu tư tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học ngành GDĐT Thành phố. Phối hợp các phòng chuyên môn có liên quan triển khai các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đầu tư, tăng cường, bổ sung, trang bị mới các loại thiết bị dạy học ở các ngành học, bậc học⁵. Tăng cường kiểm tra công tác đầu tư, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục ngoài công lập nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của các cơ sở.

Rà soát quy hoạch phát triển mạng lưới trường học, thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm phấn đấu đạt chỉ tiêu đến hết năm 2025 đạt 300 phòng học/10.000 dân số trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI. Rà soát đề xuất Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2020 - 2025.

Tăng cường xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư giáo dục: rà soát hệ thống các văn bản, chính sách về xã hội hóa đã ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, hệ thống hóa các quy định về huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục theo từng lĩnh vực và nhóm vấn đề cụ thể, phát hiện những quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn và còn thiếu; tham mưu đề xuất hướng chỉnh sửa, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp⁶; kịp thời cập nhật những chủ trương, định hướng mới về xã hội hóa

⁵ Dự án trang thiết bị: “Đầu tư trang thiết bị hỗ trợ dạy và học cho các trường THPT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2 và dự án “Đầu tư trang bị bộ vận động thông minh và Bộ thiết bị vận động ngoài trời cho các trường mầm non trên địa bàn”. Các dự án về thực hiện đề án đô thị thông minh gồm: “Xây dựng Trung tâm điều hành giáo dục thông minh tại Sở GDĐT”, “Xây dựng hệ thống trường học thông minh cho Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, THPT chuyên Trần Đại Nghĩa, THPT Lê Quý Đôn, THPT Nguyễn Hiền và THPT Nguyễn Du” và “Xây dựng hệ thống trường mầm non thông minh trên địa bàn Quận 1 và Quận 12 của Thành phố Hồ Chí Minh”. Các dự án đầu tư thư viện tiên tiến, hiện đại tại các trường THPT và các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố theo Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

⁶ Tham mưu hoàn thiện khung khổ pháp lý về địa vị pháp lý, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức đầu tư cho giáo dục và các cơ sở giáo dục ngoài công lập; về sử dụng các nguồn

và có liên quan.

Rà soát các điều kiện đầu tư, các chính sách thuế, chính sách đất đai trong lĩnh vực GDĐT; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình thủ tục cho nhà đầu tư; tăng cường ứng dụng CNTT nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, minh bạch; giải quyết kịp thời những thắc mắc của nhà đầu tư trong quá trình thành lập, hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

10. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập: thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cả về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, phân phối thu nhập, hợp tác, liên doanh, liên kết.

11. Đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và bổ nhiệm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Có chính sách hỗ trợ đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, nhà ở. Tạo điều kiện cho các nhà giáo, chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy tại các trường học trên địa bàn Thành phố.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học và thực hiện Chương trình GDPT 2018. Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đặc biệt là bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và môn Tin học để triển khai Chương

kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước; Tham mưu đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước theo hướng Nhà nước bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông); chuyển từ hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách, chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng.

trình GDPT 2018, đối với giáo dục phổ thông.

12. Tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực GDĐT: tiếp tục củng cố và duy trì hợp tác quốc tế với các tổ chức ngoại giao, tổ chức, đơn vị giáo dục quốc tế có uy tín trên cơ sở phát huy tối đa năng lực của ngành GDĐT; chủ động tìm kiếm các đối tác tiềm năng, có khả năng hỗ trợ về tiềm lực, tư vấn hướng phát triển hợp tác trong xây dựng các chương trình giáo dục, hợp tác quốc tế, đặc biệt là xây dựng thành công Đề án phát triển GDĐT Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Chú trọng tăng cường năng lực tiếng Anh cho người dạy và người học thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025. Tạo lập môi trường tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nghề nghiệp; thu hút học sinh, sinh viên quốc tế và giáo viên, giảng viên quốc tế học tập và giảng dạy; tăng cường các chương trình giáo dục, đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh. Tăng cường, mở rộng hoạt động của giáo viên nước ngoài, chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành quản lý chặt chẽ các giáo viên bản ngữ, đặc biệt là đội ngũ giáo viên dạy theo hợp đồng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Dạy Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”.

13. Thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động. Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT hiện nay. Đẩy mạnh hoạt động của các khối, cụm thi đua; tổ chức xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú lần thứ 16 và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng bảo đảm chính xác, kịp thời, công bằng, công khai, dân chủ. Tăng cường công tác tuyên truyền, gắn với biểu dương gương người tốt, việc tốt; coi trọng việc phát hiện, xây dựng các điển hình tiên tiến, phát hiện những nhân tố mới để bồi dưỡng và nhân ra diện rộng.

14. Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành GDĐT.

15. Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trực thuộc Thành phố

Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng Hiệu trưởng các trường Đại học trên địa bàn Thành phố và Hội đồng Hiệu trưởng các trường Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn Thành phố, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp trên địa bàn Thành phố; tư vấn định hướng về cơ chế, chính sách; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao để đáp ứng mục tiêu phát triển Thành phố.

Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, nâng cao số chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế. Chú trọng đến chuyển đổi số, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu và đào tạo. Từ thực tiễn hoạt động giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học, các trường Đại học, Cao đẳng chủ động phát huy vai trò đóng góp cho sự phát triển chung của Thành phố; trong đó có thể chủ động đăng ký tham gia vào các Đề án phát triển kinh tế - xã hội, các mục tiêu phát triển của Thành phố đến năm 2025, 2030 và sau năm 2030 đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI thông qua.

II. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ các nhiệm vụ giải pháp trên, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cho toàn ngành. Tổ chức hướng dẫn đôn đốc và kiểm tra thực hiện kế hoạch năm học, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, kịp thời giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

Tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học.

Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức cơ quan quản lý giáo dục các cấp; nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Chỉ thị này.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo làm tốt các nhiệm vụ chủ yếu đã nêu trên và một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giao Sở Nội vụ hướng dẫn thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện

tốt công tác giao biên chế cho ngành, công tác quy hoạch cán bộ quản lý, chuyển chuyên, tuyển dụng, đảm bảo số lượng và chất lượng cán bộ, giáo viên các cấp học, bậc học; nhất là phục vụ kịp thời nhu cầu về đội ngũ khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Giao Công an Thành phố phối hợp với các địa phương tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong và ngoài nhà trường.

- Giao Sở Y tế, Ban An toàn thực phẩm Thành phố phối hợp thực hiện công tác y tế học đường; đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích trong nhà trường.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy định hướng cho các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông chính xác, đầy đủ những chủ trương, đổi mới của ngành.

- Giao Sở Tài chính phối hợp, đảm bảo nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục nhằm đảm bảo các hoạt động; hướng dẫn các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện tốt, đúng quy định việc vận động xã hội hóa.

- Giao Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp giải quyết quỹ đất giáo dục và các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường lớp.

- Tăng cường các giải pháp về chính sách xã hội nhằm đảm bảo 100% học sinh thuộc diện gia đình khó khăn có điều kiện đến trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên ngành GDĐT Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện,

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch dành quỹ đất cho giáo dục và đào tạo và chuẩn bị các dự án xây dựng trường lớp trên địa bàn trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt nhằm giải quyết đầy đủ chỗ học cho học sinh Thành phố, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI; đáp ứng nhu cầu chỗ học cho tất cả người dân Thành phố và từng bước nâng tỉ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày, giảm sĩ số học sinh/lớp.

- Chỉ đạo và tích cực phối hợp triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018; chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cho việc triển khai chương trình ở các khối lớp tiếp theo đúng lộ trình.

- Chỉ đạo quyết liệt, phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục để thực hiện tốt công

tác quản lý trên địa bàn theo phân cấp, nhất là việc giám sát địa bàn, nắm tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ sở cung cấp các dịch vụ giáo dục.

- Thực hiện tốt và kịp thời công tác tuyển dụng viên chức cho ngành giáo dục và đào tạo phục vụ cho ngày tựu trường, tổ chức dạy và học.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; đề nghị các Cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Thành phố quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm học 2022 - 2023./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2022

CHỈ THỊ
**Về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn Thành phố đã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê, báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất và các cuộc điều tra thống kê theo quy định của Nhà nước. Hoạt động phối hợp giữa Cục Thống kê và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp từng bước được thực hiện đồng bộ, toàn diện; chất lượng thông tin thống kê ngày càng được nâng cao, bảo đảm phục vụ kịp thời yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và các cấp, các ngành Thành phố.

Tuy nhiên, công tác thống kê vẫn còn một số tồn tại, hạn chế; nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thống kê tại một số ngành, địa phương chưa được thực sự đầy đủ và toàn diện; người đứng đầu một số sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác thống kê; công tác phân tích, dự báo, sử dụng số liệu thống kê, chia sẻ dữ liệu hành chính giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành, địa phương đạt hiệu quả chưa cao; việc bố trí nhân sự làm công tác thống kê liên tục thay đổi và mang tính tạm thời, thiếu liên tục, chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ; việc xử lý, tổng hợp, báo cáo kết quả một số cuộc điều tra còn chậm tiến độ theo yêu cầu.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước. Đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại đã được nhận diện; từng bước đưa công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Thống kê đi vào nề nếp và đúng quy định pháp luật; bảo đảm thông tin thống kê ngày càng đầy đủ, toàn diện, khách quan, trung thực,

chính xác, kịp thời, thường xuyên, liên tục; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu người đứng đầu chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thống kê; trong đó tập trung vào thực hiện hiệu quả những nội dung sau:

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan, đơn vị, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

a) Phổ biến, quán triệt kịp thời, đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thống kê, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động ở các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và những người làm công tác Thống kê.

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung năm 2021; Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; ý nghĩa, mục đích và yêu cầu của các cuộc điều tra thống kê nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, nghĩa vụ chấp hành pháp luật về thống kê của các tổ chức, cá nhân; cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, kịp thời cho cơ quan thống kê; thống nhất sử dụng số liệu thông tin thống kê do cơ quan Thống kê công bố.

b) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thống kê để tổ chức tốt các hoạt động thống kê trên địa bàn như: Kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin hành chính hiện có cho ngành Thống kê; nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo đột xuất theo đúng biểu mẫu, phạm vi, thời gian quy định của cơ quan Thống kê; quan tâm, tạo điều kiện bố trí nguồn lực, tổ chức tốt các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn và các hoạt động thống kê khác theo lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý.

c) Thực hiện đúng quy định của Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được phân công. Chủ động xây dựng đồng bộ hệ thống báo cáo điện tử từ sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, thông suốt với hệ thống thống kê tập trung bảo đảm thu thập thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành nhanh của lãnh đạo các cấp Trung ương và địa phương.

d) Tăng cường phổ biến và thống nhất sử dụng thông tin, số liệu thống kê Nhà nước do Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật.

đ) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động thống kê tại địa phương.

e) Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thống kê trên địa bàn Thành phố để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện thực tiễn. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thống kê đối với mọi tổ chức, cá nhân vi phạm.

g) Kiện toàn, củng cố, bố trí nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thành phố Thủ Đức và chức danh công chức thống kê chuyên trách thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phù hợp với yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Quan tâm thực hiện đầy đủ chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức làm công tác thống kê của sở, ban, ngành Thành phố.

2. Cục Thống kê Thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thống kê; Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước; các Đề án quan trọng của Ngành Thống kê; các cuộc điều tra thống kê theo quy định. Nâng cao chất lượng, cập nhật kịp thời các thông tin thống kê; tăng cường khả năng phân tích, dự báo, phổ biến thông tin thống kê, các ấn phẩm chuyên đề, chuyên sâu bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp nhằm phục vụ kịp thời, đáp ứng được các yêu cầu trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố và các cấp, các ngành.

b) Xây dựng quy chế phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương; tăng cường khai thác dữ liệu, hồ sơ hành chính từ các sở, ban, ngành; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung quy chế phù hợp với tình hình thực tiễn và đảm bảo hiệu quả công tác phối hợp.

c) Chỉ đạo các Chi cục Thống kê thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin thống kê kinh tế - xã hội thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, cấp xã; nâng cao chất lượng công tác phân tích, dự báo thống kê phục vụ xây dựng, đánh giá kết quả thực

hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động thống kê.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thống kê; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong công tác thống kê trên địa bàn Thành phố.

3. Sở Nội vụ

Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định phục vụ cho hoạt động thống kê. Xây dựng kế hoạch và phối hợp với Cục Thống kê tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và công chức Văn phòng - Thống kê thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp Cục Thống kê Thành phố và các đơn vị liên quan tăng cường các hoạt động tuyên truyền về Luật Thống kê, các quy định của pháp luật mới ban hành trong lĩnh vực thống kê; kết quả các cuộc điều tra, Tổng điều tra nhằm nâng cao hiệu quả, tính chính xác của hoạt động phổ biến thông tin thống kê.

5. Sở Tài chính

Bảo đảm việc hỗ trợ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao và các nhiệm vụ liên quan đến công tác thống kê Nhà nước theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Nhà nước địa phương hằng năm.

6. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

Chỉ đạo các phòng, ban và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thống kê trong việc tổ chức triển khai thực hiện các cuộc điều tra, Tổng điều tra thống kê; thu thập, cung cấp thông tin để biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.

Chủ động bố trí, hỗ trợ kinh phí thực hiện điều tra thống kê và các hoạt động thống kê khác để tính toán đầy đủ các chỉ tiêu thống kê nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu quản lý, điều hành của địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2022

CHỈ THỊ

Về tăng cường thực hiện, giải ngân

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 124/NQ-CP yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo chỉ đạo của Chính phủ, đồng thời, triển khai các giải pháp căn cơ, đồng bộ để khơi thông các nguồn lực chi cho đầu tư phát triển, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công và hoàn thành thắng lợi Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 mà Quốc hội, Chính phủ đã giao và Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách cần được quan tâm, chú trọng thực hiện trong thời gian tới. Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra từ đầu năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Giám đốc các Ban quản lý đầu tư xây dựng, các chủ đầu tư tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Về giải quyết thủ tục đầu tư cho các dự án:

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Đầu mối theo dõi, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các chủ đầu tư thực hiện các quy trình, thủ tục về đầu tư công, đảm bảo các dự án được bố trí vốn theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các quy trình, quy định liên quan thủ tục đầu tư dự án, kiểm tra giám sát dự án đầu tư; phân cấp, ủy quyền trong thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án.

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh trong

trường hợp phát sinh các nội dung mới cần làm rõ về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan theo quy định của Luật Đầu tư công.

1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức Hội nghị về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các quy trình, quy định liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phân cấp, ủy quyền trong thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

1.3. Tổ công tác rà soát, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 (thành lập theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố), Tổ Công tác rà soát các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (thành lập theo Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố) và Tổ công tác thúc đẩy giải ngân các dự án được giao vốn lớn (thành lập theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố) khẩn trương xem xét giải quyết các vướng mắc, khó khăn của các dự án cụ thể, báo cáo kết quả tại Hội nghị giao ban đầu tư công hàng tháng của Thành phố.

1.4. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao: theo dõi, hướng dẫn các chủ đầu tư giải quyết các khó khăn vướng mắc liên quan đến công tác phê duyệt dự án, phê duyệt điều chỉnh dự án, phê duyệt điều chỉnh dự toán gói thầu đối với các dự án có cấu phần xây lắp theo quy định của Luật Xây dựng, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phương án giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

1.5. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, tham mưu các biện pháp kiểm soát giá và chất lượng nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho các dự án đầu tư công; tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo tháng theo đúng quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ làm cơ sở điều chỉnh gói thầu, tổng mức đầu tư

dự án; Kiểm soát tình trạng biến động giá nguyên, nhiên vật liệu xây dựng và xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, nâng giá trục lợi.

1.6. Công an Thành phố: chủ trì hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến cấp phép phòng cháy chữa cháy cho các dự án.

1.7. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tại các dự án được triển khai trên địa bàn; chủ động phối hợp, đề xuất các giải pháp với các Sở, ban, ngành có liên quan về các quy trình, quy định, thủ tục liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; nhanh chóng giải quyết các trường hợp khiếu kiện, khiếu nại kéo dài, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng mặt bằng trên địa bàn. Tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời, đúng quy định, bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân; Tăng cường quản lý hiệu lực, hiệu quả đất đai, nhất là nguồn gốc đất, quy hoạch sử dụng các loại đất... hạn chế tối đa việc điều chỉnh phương án đền bù, bảo đảm tiến độ các dự án.

1.8. Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có liên quan đến công tác giải quyết thủ tục đầu tư cho dự án (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Quy hoạch - Kiến trúc...):

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư cho các dự án đầu tư công, phần đầu giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành.

- Tập trung hướng dẫn chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ, nghiên cứu xây dựng các hồ sơ mẫu để chủ đầu tư tham khảo nhằm rút ngắn thời gian, tránh lãng phí nguồn lực, từ đó tập trung cho công tác thi công, giải ngân vốn.

2. Về công tác giải ngân vốn:

2.1. Các Sở ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị liên quan giám sát việc triển khai của các dự án đầu tư công của các chủ đầu tư theo lĩnh vực được phân công phụ trách, cụ thể:

- Theo dõi tiến độ triển khai dự án theo Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công mà chủ đầu tư đã ban hành và chủ trì giải quyết các khó khăn vướng mắc của các dự án đầu tư công trong lĩnh vực do mình phụ trách.

- Có ý kiến về việc tăng, giảm, điều chuyển vốn của các dự án theo đề nghị của các chủ đầu tư trên nguyên tắc đảm bảo giải ngân toàn bộ số vốn được giao trong lĩnh vực phụ trách.

2.2. Các chủ đầu tư:

- Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án đã được bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa đủ điều kiện để được bố trí vốn hằng năm, đặc biệt là các dự án phải thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện dự án.

- Rà soát việc ban hành các Kế hoạch giải ngân vốn trong năm 2022, đảm bảo Kế hoạch phải xác định cụ thể khối lượng giải ngân hàng tháng, các giải pháp cần thực hiện để đảm bảo việc giải ngân theo tiến độ đề ra và có phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng theo nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị, phòng ban trực thuộc để triển khai thực hiện.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong thực hiện các thủ tục đầu tư, xử lý các khó khăn, vướng mắc của các dự án.

- Đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà thầu, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công dự án; Quản lý chặt quá trình thực hiện dự án, tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; đảm bảo thời gian triển khai theo đúng quyết định phê duyệt dự án, quản lý chặt việc phát sinh chi phí do thay đổi giá nguyên vật liệu, nhân công và để tiết kiệm chi phí dự phòng dự án.

- Tập trung hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu, gửi Kho bạc nhà nước ngay khi có khối lượng thực hiện và đủ điều kiện thanh toán khi hoàn thành công trình; Tập trung thanh quyết toán dứt điểm các dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhưng chưa hoàn tất công tác thanh quyết toán; Khẩn trương tất toán dự án ngay khi có quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt.

- Đối với hợp đồng của các dự án phải thực hiện cam kết chi: Chủ đầu tư kịp thời lập hồ sơ đề nghị cam kết chi gửi đến Kho bạc nhà nước để ghi nhận vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) khi được cấp thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn và khi thực hiện ký kết hợp đồng theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quản lý chặt, linh động, hiệu quả vốn đầu tư công được giao năm 2022 nhằm quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư công, đồng thời đẩy nhanh tiến độ giải ngân thực hiện giải ngân và hoàn thiện hồ sơ gửi đến Kho bạc làm cơ sở kiểm soát, thanh toán

trong 04 ngày làm việc kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu theo đúng quy định tại Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Rà soát các khoản chi của từng dự án do đơn vị quản lý để lập hồ sơ, chứng từ thu hồi tạm ứng kịp thời hoặc thực hiện gia hạn bảo lãnh tạm ứng (nếu có). Chủ đầu tư có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn gửi Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ.

2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Công khai kết quả giải ngân hàng tháng, hàng quý trên Cổng thông tin điện tử Thành phố và báo cáo tại các cuộc họp giao ban về tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng của Thành phố; Đồng thời, định kỳ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả giải ngân cho Thường trực Thành ủy để theo dõi, chỉ đạo.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình giải ngân vốn của các chủ đầu tư, kết quả việc quyết các khó khăn, vướng mắc của các sở, ngành, các Tổ công tác tháo gỡ khó khăn và đề xuất các giải pháp đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công tại các Hội nghị giải ngân đầu tư công hàng tháng.

2.4. Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh:

- Có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho các nhiệm vụ, dự án khi có đủ điều kiện thanh toán theo quy định Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các chủ đầu tư thực hiện thủ tục giải ngân vốn, kiểm soát chặt việc tạm ứng và xử lý số dư tạm ứng của các dự án đầu tư.

- Cung cấp thông tin chi tiết tình hình giải ngân đầu tư công của từng dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư vào thứ 6 hàng tuần.

2.5. Sở Tài chính đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, phê duyệt (hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt) quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định và hướng dẫn các cơ quan tài chính cấp huyện thực hiện thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo thẩm quyền; trường hợp, cần thiết, tổ chức họp trực tiếp với các nhà thầu, chủ đầu tư để hoàn thiện hồ sơ thanh toán theo quy định pháp luật; kịp thời tháo gỡ các khó khăn liên quan đến nhập mã TABMIS, không để ảnh hưởng tiến độ giải ngân vốn của các chủ đầu tư.

2.6. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, điều chỉnh công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng (đơn giá trực tiếp), hướng dẫn tính toán đơn giá vận chuyển đảm bảo phù hợp mặt bằng giá thị trường; đối với các loại vật liệu chủ yếu, có biến động giá lớn, trường hợp cần thiết, công bố giá vật liệu xây dựng hằng tháng hoặc sớm hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng trên địa bàn.

2.7. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Rà soát ban hành, thực hiện các Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ tái định cư, đảm bảo tiến độ thực hiện, giải ngân theo kế hoạch đề ra, đáp ứng yêu cầu, tiến độ thực hiện của dự án và có phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng theo nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị, phòng ban trực thuộc trong triển khai.

3. Về công tác bố trí, điều chuyển vốn:

3.1. Kế hoạch đầu tư công năm 2022:

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các chủ đầu tư:

- (i) Phân công cụ thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc giải ngân từng dự án; (ii) Tăng cường tần suất kiểm tra hiện trường để kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, bất cập; (iii) Lựa chọn chủ đầu tư, ban quản lý dự án có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện dự án; yêu cầu ban quản lý dự án, nhà thầu có tiến độ tổng thể, chi tiết, ký cam kết về tiến độ hoàn thành dự án; kiên quyết cắt Hợp đồng, có giải pháp chế tài đối với các nhà thầu không đảm bảo tiến độ, chất lượng; (iv) Tổ chức giao ban định kỳ hằng tuần với các cơ quan chủ quản, chủ đầu tư về tình hình thực hiện các dự án, giải ngân kế hoạch đầu tư công.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, nhà thầu, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây những nhiễu, tiêu cực, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

b) Các chủ đầu tư các dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương:

- Trường hợp dự kiến giải ngân không hết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao hoặc có nhu cầu bổ sung vốn, có văn bản đề xuất điều chỉnh (tăng/giảm) kế hoạch vốn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án đầu tư, lựa chọn các tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực, khắc phục tình trạng điều chỉnh dự án khi đang triển khai, gây mất thời gian và làm chậm tiến độ giải ngân vốn. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính làm việc với các nhà tài trợ để hài hòa thủ tục giữa nhà tài trợ và quy định của Chính phủ trên nguyên tắc không trái với quy định của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện dự án và giải ngân vốn vay nước ngoài.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Trên cơ sở đề xuất của các chủ đầu tư các dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản đề xuất điều chỉnh (tăng/giảm) kế hoạch vốn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các chủ đầu tư; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát, điều chỉnh ngay kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước từ dự án giải ngân chậm, dự án đang vướng về thủ tục sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố trường hợp vượt thẩm quyền.

3.2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các chủ đầu tư chủ động rà soát theo các nội dung sau:

- Lập kế hoạch bố trí vốn và giải ngân cho các tháng còn lại của năm 2022 và các năm tiếp theo (theo từng năm 2023, 2024, 2025) cho toàn bộ các dự án phù hợp với mức vốn trung hạn đã bố trí của từng dự án và dự kiến thời gian hoàn thành dự án.

- Xem xét, đề xuất đưa ra khỏi kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án hai năm liên tiếp không đăng ký nhu cầu bố trí vốn hằng năm để khởi công thực hiện dự án hoặc dự án không có khả năng tiếp tục giải ngân vốn; đề xuất điều chuyển vốn cho các dự án cấp bách và có tính khả thi thực hiện cao hơn.

- Rà soát nhu cầu vốn của các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trường hợp nhu cầu vốn thực tế để hoàn thành dự án thấp hơn giá trị đã đăng ký (do tiết kiệm chi phí trong công tác đấu thầu, do yếu tố kỹ thuật thuận lợi,...) hoặc dôi dư vốn sau khi hoàn thành quyết toán dự án thì đề xuất điều chỉnh giảm nhu cầu vốn

trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để bố trí cho các dự án khác.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, công tác thẩm định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án; xác định tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện dự án phải phù hợp với quy mô, tính chất dự án, hạn chế các trường hợp phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư do điều chỉnh thời gian thực hiện, đội vốn hoặc bố trí vốn nhiều hơn nhu cầu giải ngân, làm giảm hiệu quả vốn đầu tư công.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố linh hoạt trong việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Đối với vốn ngân sách trung ương, tham mưu văn bản đề xuất điều chỉnh, gửi Bộ kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung, báo cáo Chính phủ theo quy định.

4. Về công tác bổ sung nguồn vốn cho đầu tư công:

4.1. Sở Tài chính:

- Làm việc với Bộ Tài chính để kiến nghị xác định nguồn bội chi ngân sách địa phương trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (*hiện đang được xác định bằng với bội chi ngân sách địa phương năm 2021 đã được Quốc hội quyết định và chưa xác định được chính xác nguồn vốn đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương trong cả giai đoạn 2021 - 2025*), làm cơ sở để bố trí vốn cho các dự án đầu tư công từ nguồn này.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cho phép Thành phố chấm dứt thực hiện các thủ tục để vay vốn theo Chương trình DPO-2 và chấp thuận cho Thành phố bổ sung từ các nguồn thu có khả năng huy động thêm hoặc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để làm cơ sở trình Hội đồng nhân dân Thành phố phân bổ chi tiết toàn bộ vốn ngân sách địa phương trong Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Tính toán, xác định cụ thể từng nguồn thu, chi ngân sách địa phương, từ đó xác định chính xác nguồn vốn Thành phố có thể cân đối bố trí bổ sung cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo, khả thi và dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định, làm cơ sở để báo cáo Chính phủ và Quốc hội tăng trần Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

4.2 Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho các dự án đầu tư đang triển khai sử dụng vốn ngân sách quận trước thời điểm thực hiện chính quyền đô thị.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Trung ương giải quyết các vướng mắc về nguồn vốn, kịp thời đề xuất bố trí vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách ngay sau khi Trung ương tháo gỡ các khó khăn này.

5. Trách nhiệm trong việc triển khai các nội dung được phân công:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, chịu trách nhiệm người đứng đầu, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, phải minh chứng bằng kết quả thực tế; tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công không đạt trên 95% kế hoạch mà không có lý do chính đáng.

- Sở Nội vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng giải ngân vốn đầu tư công thấp. Dứt khoát không xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ giải ngân năm 2022 do nguyên nhân chủ quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp các sở, ngành quan tham mưu đề xuất, cụ thể hóa Chỉ thị này thành chương trình, nhiệm vụ công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân Thành phố trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và các năm tiếp theo; thường xuyên theo dõi, đôn đốc chuẩn bị nội dung và tổ chức sơ kết hằng năm việc triển khai Chỉ thị để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3856/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 6133/Tr-SCT ngày 21 tháng 10 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy trình số 40, 41, ban hành tại Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

| Stt | Tên thủ tục |
|--|---|
| Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước | |
| 1 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương |
| 2 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương |
| 3 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương. |

QUY TRÌNH 01**Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| Stt | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|------------|---|-----------------|----------------|
| 1 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo mẫu); | 01 | Bản chính |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; | 01 | Bản sao |
| 3 | Giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh; | 01 | Bản sao |
| 4 | Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu (kèm theo các tài liệu chứng minh); | 01 | Bản chính |
| 5 | Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân (kèm theo các tài liệu chứng minh); | 01 | Bản chính |
| 6 | Văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu. | 01 | Bản gốc |

*** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Phí thẩm định |
|--|---|---|
| Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trung, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------------------|---|------------------|---|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| B2 | Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận một cửa | ½ ngày làm việc | BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. |
| B3 | Phân công thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I | Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ |
| B4 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ | Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ | <p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 – B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|--|--|---|-------------------|--|--|
| | | | | sơ | Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 - B11. |
| B5.A | Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | | | | |
| B5.A1 | Duyệt ký văn bản | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. |
| B5.A2 | Phát hành văn bản | Văn thư | ½ ngày làm việc | Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản |
| <i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i> | | | | | |
| B6 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại | 8 ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối | - Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét. |
| B7 | Xem xét, | Lãnh đạo phòng | 01 ngày làm | BM 01 Theo mục | - Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--|--------------------|------------------|---|--|
| | trình ký | Quản lý thương mại | việc | I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối | thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC. |
| B8 | Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC | Lãnh đạo Văn phòng | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối | Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP; |
| B9 | Phê duyệt kết quả TTHC | Lãnh đạo Sở | 02 ngày làm việc | Hồ sơ trình | Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do) |
| B10 | Ban hành văn bản | Văn thư | ½ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa |
| B11 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo | Bộ phận một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|-----------------|-----------|
| | đôi | | | | |

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| Stt | Mã hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----|---------|---|
| 1 | BM 01 | Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 5 | BM 05 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

| Stt | Mã hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----|---------|---|
| 1 | BM 01 | Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 5 | BM 05 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 6 | // | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

Mẫu số 7

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ
KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Mã số thuế:

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾/Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽³⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do ... cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do ... cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:

Điều 2.⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương⁽¹⁾/Giám đốc Sở Công Thương⁽²⁾./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c)⁽²⁾;
- Sở Công Thương...^{(1),(2)};
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

*** Chú thích:**

⁽¹⁾: Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.

⁽²⁾: Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.

⁽³⁾: Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.

⁽⁴⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

⁽⁵⁾: Tên đơn vị trình hồ sơ.

⁽⁶⁾: Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

⁽⁷⁾: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

QUY TRÌNH 02**Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| Stt | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--|----------|-----------|
| 1 | Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo mẫu) | 01 | Bản chính |
| 2 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp; | 01 | Bản gốc |
| 3 | Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi. | 01 | Bản sao |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Phí thẩm định |
|---|--|---|
| Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|------------------|-----------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| B2 | Kiểm tra và tiếp | Bộ phận một cửa | ½ ngày làm việc | BM 01 BM 02 BM 03 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---------------------------------------|---|------------------|--|--|
| | nhận hồ sơ | | | Theo mục I | <p>người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. |
| B3 | Phân công thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I | Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ |
| B4 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ | Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | <p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 - B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). <p>Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 -</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|--|--|---|-------------------|---|--|
| | | | | | B11. |
| B5.A | Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | | | | |
| B5.A1 | Duyệt ký văn bản | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. |
| B5.A2 | Phát hành văn bản | Văn thư | ½ ngày làm việc | Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản |
| <i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i> | | | | | |
| B6 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại | 8 ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo kết quả hoặc văn bản từ chối | - Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét. |
| B7 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối | - Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---|--------------------|------------------|---|--|
| | | | | | phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC. |
| B8 | Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC | Lãnh đạo Văn phòng | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối | Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP. |
| B9 | Phê duyệt kết quả TTHC | Lãnh đạo Sở | 02 ngày làm việc | Hồ sơ trình | Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do) |
| B10 | Ban hành văn bản | Văn thư | ½ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa |
| B11 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| Stt | Mã hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----|---------|---|
| 1 | BM 01 | Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 5 | BM 05 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

| Stt | Mã hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----|---------|---|
| 1 | BM 01 | Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 5 | BM 05 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| | // | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽³⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định ... số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương⁽¹⁾/Giám đốc Sở Công Thương⁽²⁾./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c)⁽²⁾;
- Sở Công Thương...^{(1),(2)};
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

*** Chú thích:**

(1): Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.

(2): Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.

(3): Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.

(4): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(5): Tên đơn vị trình hồ sơ.

(6): Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(7): Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

QUY TRÌNH 03**Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| Stt | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------------------|
| 1 | Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo mẫu) | 01 | Bản chính |
| 2 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có). | 01 | Bản gốc hoặc bản sao |

*** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Phí thẩm định |
|---|---|--|
| Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh | 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|------------------|-----------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| B2 | Kiểm tra và tiếp | Bộ phận một cửa | ½ ngày làm việc | BM 01 BM 02 BM 03 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---------------------------------------|---|------------------|---|---|
| | nhận hồ sơ | | | Theo mục I | <p>người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. |
| B3 | Phân công thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I | Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ |
| B4 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ | Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | <p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 – B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). <p>Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 - B11.</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|--|--|---|-------------------------------|--|--|
| B5.A | Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | | | | |
| B5.A1 | Duyệt ký văn bản | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | ½ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. |
| B5.A2 | Phát hành văn bản | Văn thư | ½ ngày làm việc | Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản |
| <i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i> | | | | | |
| B6 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại | 8 $\frac{1}{2}$ ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối | - Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét. |
| B7 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại | 01 ngày làm việc | BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối | - Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---|--------------------|-----------------------------|--|--|
| | | | | | thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC. |
| B8 | Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC | Lãnh đạo Văn phòng | 01 ngày làm việc | Hồ sơ BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối | Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP. |
| B9 | Phê duyệt kết quả TTHC | Lãnh đạo Sở | 02 ngày làm việc | Hồ sơ trình | Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do) |
| B10 | Ban hành văn bản | Văn thư | $\frac{1}{2}$ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa |
| B11 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| Stt | Mã hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----|---------|---|
| 1 | BM 01 | Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 5 | BM 05 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

| Stt | Mã hiệu | Tên biểu mẫu |
|-----|---------|---|
| 1 | BM 01 | Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2 | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| 5 | BM 05 | Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP) |
| | // | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ công thương.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽³⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương⁽¹⁾/Giám đốc Sở Công Thương⁽²⁾./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c)⁽²⁾;
- Sở Công Thương...^{(1),(2)};
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

*** Chú thích:**

⁽¹⁾: Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.

⁽²⁾: Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.

⁽³⁾: Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.

⁽⁴⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

⁽⁵⁾: Tên đơn vị trình hồ sơ.

⁽⁶⁾: Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

⁽⁷⁾: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng